TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/DS-ST
Ngày: 10-10-2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh

Ông Nguyễn Thành Thật

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10/10/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2019/TLST-DS, ngày 28/5/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Hoàng T – sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: ấp 3, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn A – sinh năm 1954 (có đơn xin vắng mặt);

Bà Trần Thị B – sinh năm 1954 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Hoàng T trình bày:

Vào ngày 27/3/2016 al, ông có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị B vay số tiền gốc 5.000.000đ (tiền này là ông đứng ra hỏi vay của người khác giùm cho vợ chồng ông A, bà B), lãi suất thỏa thuận 05%/tháng, lãi trả hàng tháng, 02 bên chỉ thỏa thuận miệng, không có làm hợp đồng hay giấy tay gì hết, lúc hỏi vay ông A và bà B hẹn 06 tháng sẽ trả đủ nhưng đến nay vợ chồng ông A, bà B chưa trả lại số tiền vay gốc cho ông.

Quá trình vay nợ, vợ chồng ông A, bà B đã đóng cho ông được 01 năm tiền lãi bằng 3.000.000đ nhưng kể từ tháng 03/2017 al đến nay vợ chồng ông A, bà B không trả vốn cũng không đóng lãi cho ông. Ông cũng trực tiếp đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông A, bà B chỉ hứa hẹn mà không trả.

Tại tòa, ông Lê Hoàng T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị B phải trả đủ 01 lần cho ông số tiền gốc 5.000.000đ (năm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn, tại bản tự khai ngày 03/9/2019 và Biên bản hòa giải ngày 20/9/2019, bị đơn ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị B trình bày:

Ông A, bà B thừa nhận vào ngày 27/3/2016 al có hỏi vay của ông Lê Hoàng T số tiền 5.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 250.000đ/tháng (05%/tháng), thời hạn thỏa thuận là 03 năm (tức là đến khi thu hoạch cây ăn trái), mục đích hỏi vay tiền của ông T là để cải tạo lại vườn, trồng cây ăn trái, 02 bên chỉ thỏa thuận miệng, không có làm hợp đồng hay giấy tay gì hết.

Quá trình vay nợ, ông bà đã đóng được cho ông T 01 năm tiền lãi bằng 3.000.000đ nhưng kể từ tháng 3/2017 al đến nay vợ chồng ông bà không có khả năng đóng lãi cũng như trả vốn cho ông T được.

Nay, ông T khởi kiện thì ông bà thừa nhận và đồng ý trả cho ông T số tiền gốc 5.000.000đ, ông bà xin ông T không tính lãi nữa, số tiền lãi 3.000.000đ đã đóng trước đây đã thực hiện xong nên ông bà không yêu cầu tính lại. Nhưng do hiện nay hoàn cảnh quá khó khăn, cây ăn trái thì chưa thu hoạch được nên ông bà không hẹn thời gian trả tiền cụ thể cho ông T được mà đợi khi nào thu hoạch được cây ăn trái sẽ trả đủ một lần cho ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại nên ông Lê Hoàng T khởi kiện ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị B về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên Tòa, ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị B với tư cách là bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét việc vắng mặt này không gây trở ngại khi xét xử vụ án, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung: Vào ngày 27/3/2016 âm lịch, giữa ông Lê Hoàng T với vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị B có thỏa thuận giao kết hợp đồng vay tài sản với nhau, số tiền ông T cho vợ chồng ông A, bà B vay là 5.000.000đ, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có làm biên nhận nhưng được ông A, bà B thừa nhận và ông T cũng đã giao đủ số tiền vay 5.000.000đ cho vợ chồng ông A, bà B theo đúng thỏa thuận. Mặc dù 02 bên có thỏa thuận lãi suất cao hơn so với quy định và vợ chồng ông A, bà B cũng đã đóng được 3.000.000đ tiền lãi cho ông T nhưng 02 bên đều xác định số tiền lãi này đã thực hiện xong nên không yêu cầu tính lại. Do từ tháng 03/2017 âm lịch đến nay, vợ chồng ông A và bà B không trả vốn, lãi nên ông T khởi kiện đòi lại số tiền đã cho vay trước đây. Xét

về nội dung và hình thức hợp đồng vay tài sản này giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực thi hành.

[3] Xét yêu cầu của ông T đòi ông A, bà B phải trả số nợ vay 5.000.000đ và không yêu cầu tính lãi. Quá trình giải quyết vụ kiện, ông A, bà B thừa nhận và đồng ý trả cho ông T số tiền này cho nên yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ chấp nhận theo Điều 466 BLDS 2015.

Tuy nhiên, việc vợ chồng ông A, bà B không hẹn được cụ thể ngày trả nợ nên ông T không chấp nhận. Xét thấy, việc ông A, bà B không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay theo đúng cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 466 BLDS 2015 nên cần buộc ông A, bà B có trách nhiệm thanh toán số nợ này cho ông T là phù hợp.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ do ông bà có lỗi trong vụ kiện này.

Ông Lê Hoàng T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn A và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hoàng T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn A, bà Trần Thị B phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Ông Lê Hoàng T được nhận lại số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004153 ngày 28/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/10/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi

hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Gò Quao;*
- *Chi cục THADS huyện Gò Quao;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Kim Nhập